

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 792/2023/QĐST-HNGĐ

Quân G, ngày 12 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 560/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số F đường H, Tổ A, Khu phố A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Căn hộ B.13.03 Chung cư P, Tổ A, Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Kim T và ông Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 24/4/2018. Nay tình cảm không còn, hai người sống ly thân từ tháng hai năm 2021 cho đến nay, cuộc sống chung không thể kéo dài nên hai bên đương sự thuận tình ly hôn. Do đó, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Kim T và ông Trần Văn N là có cơ sở.

[2] Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh (bản sao) số 750/20188/TLKS-BS được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 28/12/2018 có cơ sở để xác định bà Nguyễn Kim T và ông Trần Văn N có 01 con chung là Trần Bảo L (nam), sinh ngày 16/12/2018. Hai bên đương sự thỏa thuận để bà Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cho đến khi trưởng thành. Ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

[3] Tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự cùng xác nhận không có.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Kim T và ông Trần Văn N phải chịu lệ phí theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà [Nguyễn Kim T](#) và ông [Trần Văn N](#) thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018 do [Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu](#) cấp ngày 24/4/2018).

- Về con chung: Bà [Nguyễn Kim T](#) trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là [Trần Bảo L](#) (nam), sinh ngày 16/12/2018 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). ông [Trần Văn N](#) cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2023 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông [Trần Văn N](#) chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông [Trần Văn N](#) phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông [Trần Văn N](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí về việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, bà [Nguyễn Kim T](#) và ông [Trần Văn N](#) phải chịu. Bà [Nguyễn Kim T](#) và ông [Trần Văn N](#) đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0037342 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà [Nguyễn Kim T](#) và ông [Trần Văn N](#) đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố N1